

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kỳ họp báo Quý IV và năm 2019, ngày 27/12/2019)

Câu 1: So với năm 2018 và những năm trước đây, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu, giải ngân vốn đầu tư công, chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2019 đều thấp hơn. Theo ông, GDP tăng trưởng dựa vào những động lực nào?

Trả lời: Ông Dương Mạnh Hùng, Vụ trưởng, vụ Hệ thống tài khoản quốc gia, TCTK

Công nghiệp chế biến, chế tạo và tiêu dùng cuối cùng của hộ dân là 2 động lực quan trọng giúp GDP năm nay tăng 7,02% - cao hơn rất nhiều so với mục tiêu Quốc hội đặt ra (6,6 - 6,8%) và cao hơn so với mục tiêu Chính phủ đặt ra tại Nghị quyết 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 (phần đầu GDP tăng khoảng 6,8%).

Năm nay, GDP tăng trưởng 7,02% có ý nghĩa vô cùng quan trọng bởi là năm Chính phủ đặt ra nhiệm vụ là phải bứt phá để hoàn thành kế hoạch 5 năm giai đoạn 2016-2020.

Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là đầu tàu, là khu vực dẫn dắt nền kinh tế tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao, với sự đóng góp đa dạng từ nhiều ngành. Tiêu dùng cuối cùng của hộ dân cư năm 2019 duy trì tốc độ tăng cao ổn định đã đóng góp 6,45 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng của toàn nền kinh tế.

Đúng là tốc độ tăng trưởng xuất khẩu năm nay thấp hơn nhiều so với các năm trước, chỉ tăng trưởng 8,1% (263,45 tỷ USD), nhưng xuất siêu 9,9 tỷ USD, cao hơn nhiều so với năm 2018 (xuất siêu 6,515 tỷ

USD), nên hoạt động xuất khẩu vẫn là điểm sáng, đặc biệt đặt trong bối cảnh tốc độ tăng trưởng thương mại toàn cầu suy giảm; tăng trưởng xuất khẩu của nhiều nước bị âm.

Giải ngân vốn đầu tư công năm nay đạt thấp, nhưng vốn đầu tư công chỉ chiếm 31% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, nên việc giải ngân nguồn vốn này thấp ít ảnh hưởng đến tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Thậm chí, tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm nay tăng 10,2% so với năm 2018, nhờ nguồn vốn đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước chiếm tới 46% tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong năm nay và tăng trưởng 17,3%.

Nhờ tất cả các yếu tố, động lực nêu trên, nên GDP năm 2019 đã tăng trưởng 7,02%, tạo tiền đề vô cùng quan trọng để hoàn thành kế hoạch 5 năm 2016-2020 mà Chính phủ đã đặt ra.

Câu 2: Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) vừa dự báo, tốc độ tăng trưởng của hầu hết các nền kinh tế lớn trên thế giới và các nước trong khu vực đều giảm, nhưng lại dự báo GDP Việt Nam năm 2019 và 2020 tăng so với dự báo trước đó. Liệu ADB có quá lạc quan về kinh tế Việt Nam, thưa ông?

Trả lời: Ông Dương Mạnh Hùng, Vụ trưởng, vụ Hệ thống tài khoản quốc gia, TCTK

Để có những điều chỉnh mức dự báo tăng trưởng năm 2019, ADB dựa vào kết quả tăng trưởng kinh tế trong 3 quý đầu năm 2019, cũng như xu hướng, môi trường kinh doanh của Việt Nam trong thời gian qua.

Cụ thể, tăng trưởng GDP trong 3 quý đầu năm đạt 6,98%, mức cao nhất so với cùng kỳ

trong 9 năm qua. Tăng trưởng của ngành công nghiệp, đặc biệt là ngành chế biến, chế tạo vẫn mạnh mẽ, mặc dù có xu hướng giảm từ nửa đầu năm 2018; xuất khẩu quý III đã khởi sắc; tiêu dùng cá nhân tăng 7,3% trong 9 tháng đầu năm; môi trường kinh doanh được cải thiện... Đó là cơ sở tin cậy để ADB nâng mức dự báo tăng trưởng của Việt Nam trong năm 2019.

Trước đà tăng trưởng của năm 2019 và những cơ hội cũng như động lực tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2020, tôi nghĩ, ADB không hề quá lạc quan về tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2020 khi dự báo kinh tế nước ta năm 2020 tăng 6,8%, thay vì 6,7% như tổ chức này đưa ra trước đó.

Câu 3: Ông có cho rằng, năm 2020, tăng trưởng GDP sẽ đạt 6,8% như ADB dự báo và bằng với mục tiêu tăng trưởng được Quốc hội đặt ra?

Trả lời: Ông Dương Mạnh Hùng, Vụ trưởng, vụ Hệ thống tài khoản quốc gia, TCTK

Công nghiệp chế biến, chế tạo và tiêu dùng cuối cùng của hộ dân cư là động lực cho kinh tế tăng trưởng cao trong năm 2019. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Môi trường kinh doanh tiếp tục được cải thiện, thu hút nhiều doanh nghiệp thành lập mới và đầu tư nước ngoài. Như vậy, động lực tăng trưởng kinh tế đến từ cả phía cung và phía cầu và tất cả các yếu tố này tiếp tục phát huy trong năm 2020, nên không có lý do gì năm 2020, Việt Nam không đạt tốc độ tăng trưởng GDP 6,8%, nếu không có những biến cố đột biến xảy ra.

Chưa kể, năm 2020 còn có thêm động lực mới, như việc các nước thành viên Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên

Thái Bình Dương (CPTPP) sẽ cắt giảm thuế quan như cam kết, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) có hiệu lực sẽ "mở toang" cánh cửa cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu.

Câu 4: Thu hút và giải ngân vốn đầu tư nước ngoài năm 2019 đạt kỷ lục. Đây cũng chính là động lực để năm 2020 cán đích tăng trưởng kinh tế 6,8%, thậm chí cao hơn, thưa ông?

Trả lời: Ông Dương Mạnh Hùng, Vụ trưởng, vụ Hệ thống tài khoản quốc gia, TCTK

Năm 2019, vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam đạt 38,02 tỷ USD, tăng 7,2% so với năm 2018 và vượt mọi dự báo trước đó. Vốn đầu tư nước ngoài trên 38 tỷ USD cũng là mức cao nhất trong khoảng 10 năm gần đây. Trong bối cảnh suy giảm chung của dòng vốn đầu tư nước ngoài toàn cầu, việc Việt Nam vẫn duy trì được mức tăng trưởng vốn thực hiện là một thành quả đáng khích lệ.

Đặc biệt, nguồn vốn đầu tư nước ngoài chủ yếu tập trung vào các ngành kinh tế then chốt (công nghiệp chế biến, chế tạo; bất động sản; bán buôn, bán lẻ...), có đóng góp lớn trong tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Đây là nền tảng quan trọng tạo đà để các ngành này tăng trưởng mạnh hơn nữa trong năm 2020 và các năm tiếp theo.



Lần lượt từ trái sang: Ông Phạm Đình Thúy, ông Nguyễn Bích Lâm, ông Nguyễn Việt Phong

➤ ➤ ➤ HỎI - ĐÁP THỐNG KÊ

Câu 5: GDP năm 2019 tăng trưởng tốt cao thứ 2 trong 2 năm liên tiếp tại sao doanh nghiệp còn yếu và nhiều doanh nghiệp giải thể? Có tới 43,7 nghìn doanh nghiệp giải thể, tăng 41,7% so với năm 2018. Tổng cục Thống kê cho biết ngành nghề, lĩnh vực, khu vực kinh tế nào có số doanh nghiệp giải thể và chờ giải thể nhiều nhất?

Trả lời: Ông Nguyễn Bích Lâm, Tổng cục trưởng, TCTK

Tính chung năm 2019, cả nước có 138,1 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong đó 39,4 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, còn doanh nghiệp tạm dừng có thời hạn 28,7 nghìn doanh nghiệp trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chỉ có 403 doanh nghiệp tạm ngừng đăng ký, khu vực công nghiệp, xây dựng 8,19 nghìn doanh nghiệp và lớn nhất là khu vực dịch vụ 20.139 doanh nghiệp (bán buôn, bán lẻ có 11.115 doanh nghiệp, vận tải kho bãi có 1.721 doanh nghiệp, khoa học công nghệ có 1.702 doanh nghiệp, dịch vụ kinh doanh ăn uống có 1.553 doanh nghiệp. Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể là 16,8 nghìn doanh nghiệp, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 364 doanh nghiệp, khu vực công nghiệp, xây dựng là 3.722 doanh nghiệp và khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhất.

Câu 6: Năm 2019 là năm rất ấn tượng về thu hút vốn đầu tư nhất là khu vực FDI. Xin Tổng cục Thống kê cho biết điểm sáng của thu hút vốn đầu tư khu vực này và các giải pháp thu hút vốn FDI năm 2020?

Trả lời: Ông Nguyễn Việt Phong, Vụ trưởng Vụ TK Xây dựng và Vốn đầu tư, TCTK

Điểm sáng của thu hút vốn đầu tư là khu vực kinh tế ngoài Nhà nước, khu vực FDI tiếp tục tạo một đỉnh mới về thu hút vốn đầu tư đạt 38 tỷ USD, (năm 2018 là 35 tỷ, năm 2017 là 35 tỷ USD; năm 2016 là 25 tỷ USD); điểm sáng tiếp theo là môi trường kinh doanh thu hút đầu tư nước ngoài tốt hơn kể từ khi Luật đầu tư 2014 và có hiệu lực từ năm 2015 cho phép nhà đầu tư đa dạng hóa hình thức đầu tư đó là góp vốn mua cổ phần, hiện nay các nhà đầu tư chuyển dần sang hình thức đầu tư này nhiều hơn (năm 2019 đạt khoảng 15 tỷ USD chiếm 40% tổng số vốn; năm 2018 đạt gần 10 tỷ USD chiếm 28% tổng số vốn) đây là xu hướng đầu tư mới của các nhà đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, trong những năm tới, bên cạnh việc kiên định mục tiêu thu hút vốn đầu tư nước ngoài cần phải theo dõi, kiểm soát sát sao nguồn góp vốn mua cổ phần từng ngành, từng lĩnh vực cụ thể nếu không làm tốt sẽ xảy ra tình trạng vốn ngoại hóa, chi phối hoạt động kinh tế của ngành, lĩnh vực và đồng thời có những chính sách cụ thể để hướng luồng vốn theo xu hướng này vào các ngành có công nghệ mới hoặc đem lại giá trị gia tăng cao ít gây ô nhiễm môi trường.

Câu 7: Xin Tổng cục Thống kê cho biết hiệu quả vốn đầu tư trên GDP của năm 2019?

Trả lời: Ông Nguyễn Việt Phong, Vụ trưởng Vụ TK Xây dựng và Vốn đầu tư, TCTK

Đối với tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2018 đạt mức tăng trưởng khá trên 2 triệu tỷ đồng chính vì vậy tỷ lệ vốn đầu tư trên GDP đạt khoảng 33,9%. Tuy nhiên, xét cả giai đoạn 2016-2019 chúng ta thấy tỷ lệ vốn đầu tư trên GDP đang có xu hướng tăng nhẹ (năm 2016 là 33%, năm 2017 là 33,4%, 2018 là 33,5%) và tính so sánh với hiệu quả sử dụng vốn đầu tư là hệ số ICOR lại có xu hướng giảm có nghĩa là hiệu quả sử dụng đồng vốn đã

tăng lên (năm 2016 là 6,42; năm 2017 là 6,11; năm 2018 là 5,97 và năm 2019 6,07). Điều đó cho thấy nền kinh tế đã hấp thụ nhiều vốn, hiệu quả hơn trước.

Câu 8: Trong báo cáo lao động, việc làm thì tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên từ 15-24 tuổi thì gấp 3 lần với tỷ lệ thất nghiệp chung của cả nước. Tổng cục Thống kê cho biết nguyên nhân là gì?

Trả lời: Bà Vũ Thị Thu Thủy, Vụ trưởng Vụ TK Dân số và Lao động, TCTK

Tỷ lệ thất nghiệp là người từ 15 tuổi trở lên hiện nay không có việc làm, có nhu cầu việc làm và sẵn sàng làm việc khi có công việc thì được tính là những người thất nghiệp, thì hiện nay Tỷ lệ thất nghiệp chung cả nước năm 2019 là 1,98% còn tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên từ 15-24 tuổi là 6,39% cao gấp 3 lần so với tỷ lệ thất nghiệp chung của cả nước gồm những nguyên nhân sau:

- Thanh niên trong độ tuổi từ 15-24 tuổi là những người mới ra trường, bắt đầu tìm kiếm công việc nên họ cần có thời gian tìm kiếm công việc so với người trưởng thành, nhóm tuổi khác

- Lực lượng này mới tham gia thị trường lao động, người trong độ tuổi 15-24 tuổi thì trình độ, kinh nghiệm làm việc còn thấp, nên tìm kiếm 1 công việc phù hợp còn khó khăn do vậy phải có thời gian, độ trễ trong tìm kiếm công việc. Thông thường, đối với các nước trên thế giới, Việt Nam cũng giống các nước trên thế giới tỷ lệ thất nghiệp trong nhóm tuổi này bao giờ cũng cao hơn tỷ lệ thất nghiệp chung.

Khi mà thất nghiệp xảy ra là lãng phí nguồn nhân lực, chúng ta đã có nguồn nhân lực rồi nhưng chưa tận dụng vào quá trình sản xuất. Một trong những giải pháp đó là thúc đẩy tạo cơ hội cho các thanh niên, tạo

việc làm phù hợp với những thanh niên mới ra trường có trình độ kinh nghiệm, kiến thức chưa được đầy đủ khi mới bước vào thị trường lao động.

Ngoài việc, tạo công việc thì việc nâng cao trình độ rất cần thiết cho lực lượng lao động trẻ này, trong số liệu công bố thì lực lượng lao động tương đối dồi dào, tuy nhiên trình độ người lao động còn hạn chế chỉ có 22,8% lực lượng lao động qua đào tạo từ sơ cấp nghề trở lên và trong tính toán số liệu từ điều tra lao động việc làm thì thấy rằng tỷ lệ lao động hiện nay có tay nghề cao chỉ có 11% lao động có trình độ trung cấp nghề và kỹ năng cao, trong khi đó các nước trên thế giới thì tỷ lệ này trên 20%. Vì vậy, chúng ta cần phải thúc đẩy, nâng cao trình độ cho người lao động là yếu tố cần thiết trong thời gian tới.



Ông Đỗ Anh Kiêm (ngoài cùng bên trái),
Bà Vũ Thị Thu Thủy (ngoài cùng bên phải).

Câu 9: Hiện nay, đo lường nghèo đa chiều của Việt Nam tập trung ở lĩnh vực nào?

Trả lời: Ông Đỗ Anh Kiêm, Vụ trưởng vụ TK Xã hội và Môi trường, TCTK

Trước năm 2016, chúng ta đo lường nghèo một chiều dựa trên thu nhập, đến năm 2015 Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định 1644 và quy định 59 về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020, nghèo theo hướng đa chiều nhưng

➤➤➤ HỎI - ĐÁP THỐNG KÊ

không thực chất là đa chiều, đây là sáng tạo của Việt Nam là lồng ghép cả thu nhập với tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản. Như vậy, có 2 chiều lớn, thứ nhất là thu nhập và thứ hai là các dịch vụ xã hội cơ bản (05 dịch vụ): Y tế; giáo dục; nhà ở; nước sạch và vệ sinh; thông tin. Trong mỗi lĩnh vực này có 2 chỉ số như vậy chỉ số đo lường các dịch vụ xã hội cơ bản có tổng là 10 chỉ số. Qua số liệu khảo sát mức sống dân cư qua các năm thì năm 2016 nghèo đa chiều bắt đầu tính là 9,2%, năm 2017 là 7,9%, năm 2018 là 6,8% có xu hướng tốt. Trong nghèo đa chiều thì mảng thu nhập là mảng thiếu hụt nhiều nhất (năm 2016 là 9,2% là nghèo, trong đó 7,3% thiếu hụt thu nhập và 4% thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản; năm 2017 là 7,9% là nghèo, trong đó 6,4% thiếu hụt thu nhập; năm 2018 là 6,8% là nghèo, trong đó 4,31% thiếu hụt thu nhập). Trong các dịch vụ xã hội cơ bản thì tiếp cận bảo hiểm y tế là thiếu hụt nhiều nhất, tiếp đến là hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh.

Câu 10: Công nghiệp chế biến, chế tạo đóng vai trò dẫn dắt nền kinh tế, song mức tăng trưởng cao của ngành này có xu hướng chững lại, thưa ông?

Trả lời: Ông Phạm Đình Thúc, Vụ trưởng Vụ Thống kê Công nghiệp, TCTK

Năm 2019, công nghiệp tăng trưởng 8,86% nhờ lĩnh vực chế biến, chế tạo giữ vai trò chủ chốt, dẫn dắt mức tăng trưởng chung. Nếu năm vừa qua, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo không đạt mức tăng trưởng 11,29%, thì chắc chắn GDP không thể đạt mức tăng ấn tượng là 7,02%.

Tuy nhiên, kể từ năm 2018, xu hướng tăng trưởng cao của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chững lại và tốc độ tăng trưởng năm sau giảm dần so với năm trước vì quy mô của ngành này ngày càng lớn và

hiện nay đã rất lớn, đóng góp đến 1/3 tăng trưởng của toàn nền kinh tế. Khi mẫu số càng lớn thì tốc độ tăng trưởng thấp đi cũng là điều đương nhiên.

Hơn nữa, trước đây, tăng trưởng của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cao là nhờ có những dự án lớn như Samsung, Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn..., nhưng năm 2020 và các năm tiếp theo chưa thấy có dự án nào tầm cỡ như vậy đi vào hoạt động, nên tốc độ tăng trưởng của ngành này sẽ giảm dần. Điều này là hợp quy luật.

Câu 11: Nhưng thưa ông, vấn đề là chỉ số tiêu thụ của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo lại giảm, trong khi tỷ lệ hàng tồn kho lại tăng, nên trong tương lai có thể ngành này sẽ gặp rất nhiều khó khăn?

Trả lời: Ông Phạm Đình Thúc, Vụ trưởng Vụ Thống kê Công nghiệp, TCTK

Tính chung cả năm 2019, chỉ số tiêu thụ của toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,5%, trong khi năm 2018, chỉ số này là 12,4%. Tỷ lệ tồn kho của ngành này bình quân năm 2019 là 68,8%, tăng so với tỷ lệ tồn kho 64,4% của năm 2018. Đáng lưu ý là một số ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trọng yếu lại có chỉ số hàng tồn kho giảm như sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan...

Đánh giá chung, năm 2019, chỉ số tiêu thụ của toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm so với năm 2018; tồn kho tăng, nhưng chỉ là tạm thời và sẽ sớm được giải tỏa.

Câu 12: Những lý do nào khiến ông cho rằng, tồn kho tăng, tiêu thụ giảm chỉ là tạm thời?

Trả lời: Ông Phạm Đình Thúc, Vụ trưởng Vụ Thống kê Công nghiệp, TCTK

Nguyên nhân chính dẫn đến tồn kho là do sản xuất và tiêu thụ chưa gặp được nhau. Năm 2019, tồn kho tăng, tiêu thụ giảm xuất phát từ mấy nguyên nhân sau.

Thứ nhất, là mặc dù Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn mới đi vào hoạt động và cũng chỉ hoạt động 50% công suất, nhưng sản phẩm xăng dầu thành phẩm của Nhà máy chưa tìm được tiếng nói chung với các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đầu mối, nên việc tiêu thụ sản phẩm của nhà máy này ở thị trường nội địa gặp khó khăn. Sắp tới, với sự chỉ đạo của Chính phủ, các bộ, ngành hữu quan thì Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn và các đầu mối kinh doanh xăng dầu sẽ tìm được cách giải quyết bài toán tồn kho xăng dầu.

Khác với các loại hàng hóa, sản phẩm khác, xăng dầu là mặt hàng chiến lược, chỉ sử dụng một lần, nên xử lý tồn kho xăng dầu không quá khó. Một khi xăng dầu chế biến trong nước tìm được thị trường tiêu thụ, Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn vận hành hết công suất sẽ trở thành điểm nhấn để ngành công nghiệp chế biến, chế tạo năm 2020 tiếp tục tăng trưởng ở mức 2 con số.

Thứ hai, là tồn kho của Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa. Trước đây, Formosa sản xuất ra nguyên liệu thép, giữ lại một phần để sản xuất ra các loại sắt thép thành phẩm, một phần bán cho các doanh nghiệp sản xuất thép khác. Nhưng bây giờ họ thay đổi chiến lược là không bán nguyên liệu, mà giữ lại 100% để phục vụ cho sản xuất sắt thép thành phẩm. Như vậy, tồn kho thép của Formosa không phải là không tiêu thụ được, mà do doanh nghiệp giữ lại nguyên liệu để phục vụ cho hoạt động của mình. Việc tiêu thụ sắt thép thành phẩm của toàn ngành thép nói chung, Formosa nói riêng rất khả quan, nhờ đó, năm 2019, tăng trưởng sản phẩm sắt,

thép các loại rất cao (sắt, thép thô tăng 33,4%; thép thanh, thép góc tăng 19%).

Câu 13: Còn nguyên nhân nào nữa không, thưa ông?

Trả lời: Ông Phạm Đình Thúy, Vụ trưởng Vụ Thống kê Công nghiệp, TCTK

VinFast đã chính thức gia nhập vào ngành sản xuất xe hơi và sẵn sàng cạnh tranh với ô tô nhập khẩu cũng như ô tô của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên thị trường nội địa. Tuy nhiên, so với các tên tuổi xe hơi lừng danh trên thế giới thì VinFast mới bắt đầu gây dựng chiến lược kinh doanh. Vì vậy, hiện nay, doanh nghiệp này cũng chỉ mới ở giai đoạn tiếp cận thị trường, thăm dò người tiêu dùng và từng bước chiếm lĩnh lòng tin, tình cảm, thậm chí là sự tự hào của người tiêu dùng trong nước, việc tiêu thụ chưa được như mong muốn.

Điều đáng mừng là, càng ngày người tiêu dùng Việt Nam càng có niềm tin vào sản phẩm ô tô của VinFast, cộng thêm nhiều chính sách hậu mãi, dịch vụ chăm sóc khách hàng của doanh nghiệp này nên lượng tiêu thụ sẽ tăng lên cùng với thời gian.

Sản phẩm ô tô du lịch dưới 7 chỗ sản xuất trong nước năm qua tồn kho lớn còn có nguyên nhân kể từ năm 2018, Việt Nam chính thức bãi bỏ thuế nhập khẩu ô tô từ ASEAN, nhưng phải đến quý IV/2018, các doanh nghiệp nhập khẩu ô tô mới đáp ứng được các điều kiện đặt ra trong Nghị định 116/2017/NĐ-CP quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô, nên năm 2019, ô tô từ các nước ASEAN ồ ạt nhập khẩu về Việt Nam (số lượng và kim ngạch nhập khẩu ô tô năm 2019 gấp khoảng 2 lần năm 2018). Tuy nhiên, sau một thời gian lượng nhập về đã đủ bão hòa nên tồn kho sản phẩm này của các doanh nghiệp trong nước sẽ không tăng.